



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số**

4403000108  
3800311306

ngày 1 tháng 1 năm 2008  
ngày 2 tháng 6 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 ngày 2 tháng 6 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Huỳnh Văn Khánh  
Ông Lê Minh Tuấn  
Ông Nguyễn Quang Quyền  
Ông Lê Tuấn Hải  
Ông Đinh Văn Sơn

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Minh Tuấn  
Ông Nguyễn Hùng Lượng  
Ông Đinh Văn Sơn

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Khu 5, Phường Thác Mơ  
Thị xã Phước Long  
Tỉnh Bình Phước  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bình Phước, ngày 12 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.




## Ý kiến của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00293-19-1



  
Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
kiểm toán số 2225-2018-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*



Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>918.874.547.356</b>	<b>984.093.178.832</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>13.778.027.120</b>	<b>27.844.169.568</b>
Tiền	111		3.778.027.120	1.844.169.568
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	26.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>697.500.000.000</b>	<b>715.142.638.889</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	697.500.000.000	715.142.638.889
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>204.269.951.327</b>	<b>239.185.703.161</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	156.774.426.763	199.260.572.982
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.159.284.256	174.730.196
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	46.484.900.023	39.899.059.698
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(148.659.715)	(148.659.715)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>3.326.568.909</b>	<b>1.905.015.161</b>
Hàng tồn kho	141		3.326.568.909	1.905.015.161
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>15.652.053</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	15.652.053

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>412.585.549.524</b>	<b>418.687.469.984</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.348.377.739</b>	<b>49.439.218.096</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	26.369.445.781	35.202.127.804
<i>Nguyên giá</i>	222		1.973.407.285.883	1.973.407.285.883
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.947.037.840.102)	(1.938.205.158.079)
Tài sản cố định vô hình	227	11	13.978.931.958	14.237.090.292
<i>Nguyên giá</i>	228		17.417.750.910	17.417.750.910
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.438.818.952)	(3.180.660.618)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>4.729.241.238</b>	<b>1.724.265.841</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242		4.729.241.238	1.724.265.841
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>364.784.430.000</b>	<b>364.784.430.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		186.134.430.000	186.134.430.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		34.000.000.000	34.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		150.860.000.000	150.860.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.210.000.000)	(6.210.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.723.500.547</b>	<b>2.739.556.047</b>
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.723.500.547	2.739.556.047
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.331.460.096.880</b>	<b>1.402.780.648.816</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>77.250.859.746</b>	<b>167.945.668.549</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.296.932.910</b>	<b>159.991.741.713</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.514.749.838	14.728.728.313
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.004.411.732	1.004.411.732
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	36.770.488.058	105.420.392.697
Phải trả người lao động	314		8.701.867.396	26.485.464.290
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.929.197.307	207.147.368
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	9.825.763.592	9.570.117.690
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	7.550.454.987	2.575.479.623
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.953.926.836</b>	<b>7.953.926.836</b>
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.745.514.000	2.745.514.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	17	5.208.412.836	5.208.412.836
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.254.209.237.134</b>	<b>1.234.834.980.267</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>1.254.209.237.134</b>	<b>1.234.834.980.267</b>
Vốn cổ phần	411	19	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	125.346.615.065	36.200.180.122
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		372.408.253.978	442.180.432.054
LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		240.077.112.361	46.279.848.558
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		132.331.141.617	395.900.583.496
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.331.460.096.880</b>	<b>1.402.780.648.816</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đâu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019**

**Mẫu B 02a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>215.039.783.389</b>	<b>358.246.349.373</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>63.100.006.776</b>	<b>118.659.537.839</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>151.939.776.613</b>	<b>239.586.811.534</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	23.654.895.862	39.621.567.369
Chi phí tài chính	22		-	6.833.333
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	6.833.333
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	10.151.344.858	11.034.326.847
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>165.443.327.617</b>	<b>268.167.218.723</b>
Thu nhập khác	31		-	1.488.000
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>1.488.000</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>165.443.327.617</b>	<b>268.168.706.723</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>27</b>	<b>33.112.186.000</b>	<b>48.932.364.115</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>132.331.141.617</b>	<b>219.236.342.608</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đâu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm**  
**2019 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>165.443.327.617</b>	<b>268.168.706.723</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		9.090.840.357	34.499.715.939
Các khoản dự phòng	03		-	(107.474.850)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(23.654.895.862)	(39.621.567.369)
Chi phí lãi vay	06		-	6.833.333
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>150.879.272.112</b>	<b>262.946.213.776</b>
Biến động các khoản phải thu	09		38.958.492.419	(82.087.361.625)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.405.498.248)	1.692.648.697
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(39.742.972.646)	16.404.088.702
Biến động chi phí trả trước	12		15.652.053	37.215.746
			<b>148.704.945.690</b>	<b>198.992.805.296</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(6.833.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(89.246.404.021)	(42.674.065.384)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.000.000	102.920.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.021.909.386)	(5.364.622.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>56.476.632.283</b>	<b>151.050.204.079</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(3.004.975.397)	(1.680.695.177)
Tiền gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(546.000.000.000)	(264.142.638.889)
Tiền rút từ tiền gửi có kỳ hạn	24		563.642.638.889	260.038.695.055
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		19.612.155.277	36.843.680.369
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>34.249.818.769</b>	<b>31.059.041.358</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	12.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(12.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(104.792.593.500)	(104.375.059.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(104.792.593.500)</b>	<b>(104.375.059.200)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(14.066.142.448)</b>	<b>77.734.186.237</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>27.844.169.568</b>	<b>55.114.455.126</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>13.778.027.120</b>	<b>132.848.641.363</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đâu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

**(b) Hoạt động sản xuất kinh doanh**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết được liệt kê dưới đây:

Tên đơn vị	Loại hình	Tỷ lệ vốn sở hữu tại ngày		Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày	
		30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
<b>Các công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Thủy điện	99,78%	99,78%	99,92%	99,92%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Thủy điện	61,17%	61,17%	61,17%	61,17%
<b>Các công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Phong điện	20%	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35%	35%	35%	35%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 116 nhân viên (1/1/2019: 118 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng lẻ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chúng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 8 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 đến 50 năm.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày báo cáo được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán điện***

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án thủy điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án đi vào hoạt động thương mại.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng	3.778.027.120	1.844.169.568
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	26.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	13.778.027.120	27.844.169.568

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,5% một năm trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 5,3% đến 5,5% một năm).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất năm là 6,5% đến 7,6% một năm trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 6,5% đến 7,5% một năm).



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2019		
					Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Công ty con</i>							
• Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng	13.720.000	99,78%	99,92%	137.200.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Gia Lai	4.893.443	61,52%	61,52%	48.934.430.000	-	(*)
					186.134.430.000	-	
<i>Công ty liên kết</i>							
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận	3.260.000	20%	20%	32.600.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thác Mơ	Bình Phước	140.000	35%	35%	1.400.000.000	-	(*)
					34.000.000.000	-	
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(6.210.000.000)	143.370.000.000
• Công ty Cổ phần Cơ điện điện lực Đồng Nai	Đồng Nai	150.000	10%	10%	1.280.000.000	-	(*)
					150.860.000.000	(6.210.000.000)	
					370.994.430.000	(6.210.000.000)	

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

					1/1/2019		
	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Công ty con</i>							
• Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng	13.720.000	99,78%	99,92%	137.200.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Gia Lai	4.893.443	61,52%	61,52%	48.934.430.000	-	(*)
					186.134.430.000	-	
<i>Công ty liên kết</i>							
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận	3.260.000	20%	20%	32.600.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thác Mơ	Bình Phước	140.000	35%	35%	1.400.000.000	-	(*)
					34.000.000.000	-	
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(6.210.000.000)	143.370.000.000
• Công ty Cổ phần Cơ điện điện lực Đồng Nai	Đồng Nai	150.000	10%	10%	1.280.000.000	-	(*)
					150.860.000.000	(6.210.000.000)	
					370.994.430.000	(6.210.000.000)	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Không có biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 30 tháng 6 năm 2018.

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	141.115.229.216	185.392.208.909
Các khách hàng khác	15.659.197.547	13.868.364.073
	<hr/>	<hr/>
	156.774.426.763	199.260.572.982

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	141.115.229.216	185.392.208.909
Tập đoàn Điện lực Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	2.589.676.815	2.144.114.886
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	10.998.385.297	10.998.385.297
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Trả hộ cho Ban quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng – Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	27.267.692.037	27.267.692.037
Trả hộ cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.100.901.425	-
	28.368.593.462	27.267.692.037
<b>Các bên khác</b>		
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	15.243.156.930	11.200.416.345
Các khoản phải thu khác	2.873.149.631	1.430.951.316
	18.116.306.561	12.631.367.661
	46.484.900.023	39.899.059.698

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**9. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	550.142.818	168.201.117
Công cụ và dụng cụ	13.978.202	8.702.892
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.762.447.889	1.728.111.152
	3.326.568.909	1.905.015.161
	3.326.568.909	1.905.015.161



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	1.245.319.056.952	604.961.021.851	118.110.480.630	5.016.726.450	1.973.407.285.883
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	1.220.716.159.727	598.856.592.340	113.746.514.449	4.885.891.563	1.938.205.158.079
Khấu hao trong kỳ	7.906.541.124	531.110.352	324.872.508	70.158.039	8.832.682.023
Số dư cuối kỳ	1.228.622.700.851	599.387.702.692	114.071.386.957	4.956.049.602	1.947.037.840.102
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	24.602.897.225	6.104.429.511	4.363.966.181	130.834.887	35.202.127.804
Số dư cuối kỳ	16.696.356.101	5.573.319.159	4.039.093.673	60.676.848	26.369.445.781

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.779.163 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 1.778.873 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	17.417.750.910
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	3.180.660.618
Khấu hao trong kỳ	258.158.334
Số dư cuối kỳ	3.438.818.952
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	14.237.090.292
Số dư cuối kỳ	13.978.931.958

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.724.265.841	1.532.873.358
Tăng trong kỳ	3.004.975.397	189.707.676
Số dư cuối kỳ	4.729.241.238	1.722.581.034

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Xây dựng Văn phòng làm việc tại Thành phố Đồng Xoài	1.297.148.276	1.297.148.276
Dự án bổ sung quy hoạch Điện Mặt Trời	502.895.655	427.117.565
Đại tu tổ máy H1	2.929.197.307	-
	4.729.241.238	1.724.265.841

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Ban Mai	1.259.500.000	10.076.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.255.249.838	4.652.728.313
	2.514.749.838	14.728.728.313
	2.514.749.838	14.728.728.313

**14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019	Số phát sinh	Số đã nộp/ đã cản trừ	30/6/2019
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	5.748.619.706	21.477.022.896	(24.610.832.067)	2.614.810.535
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.246.404.021	33.112.186.000	(89.246.404.021)	24.112.186.000
Thuế thu nhập cá nhân	199.201.352	3.498.593.261	(3.697.686.740)	107.873
Thuế tài nguyên	5.183.757.778	22.377.256.171	(25.472.351.043)	2.088.662.906
Phí dịch vụ môi trường rừng	7.229.949.840	8.872.520.148	(11.553.749.244)	4.548.720.744
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.812.460.000	3.406.000.000	(6.812.460.000)	3.406.000.000
Các loại thuế khác	-	3.797.985	(3.797.985)	-
	105.420.392.697	92.747.376.461	(161.397.281.100)	36.770.488.058
	105.420.392.697	92.747.376.461	(161.397.281.100)	36.770.488.058

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Cổ tức phải trả	8.617.282.788	8.409.876.288
Kinh phí công đoàn	94.902.220	93.611.480
Các khoản phải trả khác	1.113.578.584	1.066.629.922
	9.825.763.592	9.570.117.690
	9.825.763.592	9.570.117.690



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.575.479.623	3.264.976.140
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 18)	7.956.884.750	8.075.664.458
Tăng khác	40.000.000	102.920.000
Sử dụng trong kỳ	(3.021.909.386)	(5.343.360.000)
Số dư cuối kỳ	<u>7.550.454.987</u>	<u>6.100.200.598</u>

**17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty. Không có biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 30 tháng 6 năm 2018.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	3.349.890.365	192.205.802.773	952.010.061.229
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	219.236.342.608	219.236.342.608
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 21)	-	-	32.850.289.757	(32.850.289.757)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(8.075.664.458)	(8.075.664.458)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(105.000.000.000)	(105.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	36.200.180.122	265.516.191.166	1.058.170.739.379
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	281.664.240.888	281.664.240.888
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(105.000.000.000)	(105.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	36.200.180.122	442.180.432.054	1.234.834.980.267
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	132.331.141.617	132.331.141.617
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 21)	-	-	89.146.434.943	(89.146.434.943)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(7.956.884.750)	(7.956.884.750)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(105.000.000.000)	(105.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	125.346.615.065	372.408.253.978	1.254.209.237.134

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## **19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	<b>30/6/2019</b>		<b>1/1/2019</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

## **20. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 210 tỷ VND, tương đương 3.000 VND trên một cổ phiếu (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018; phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 189 tỷ VND, tương đương 2.700 VND trên một cổ phiếu). Công ty đã tạm ứng 105 tỷ VND cho các cổ đông vào cuối năm 2018. Theo đó, Công ty đang tiếp tục chi trả khoản cổ tức còn lại là 105 tỷ VND trong năm 2019.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	36.200.180.122	3.349.890.365
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 18)	89.146.434.943	32.850.289.757
Số dư cuối kỳ	125.346.615.065	36.200.180.122

**22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán điện	210.623.856.198	349.466.563.873
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	4.415.927.191	8.779.785.500
	215.039.783.389	358.246.349.373

**23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Giá vốn sản xuất điện	59.739.884.833	111.657.305.372
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	3.360.121.943	7.002.232.467
	63.100.006.776	118.659.537.839

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	23.654.895.862	16.114.681.369
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	23.506.886.000
	<hr/>	<hr/>
	23.654.895.862	39.621.567.369

**25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.774.803.336	6.745.569.432
Chi phí khấu hao và phân bổ	683.113.665	649.655.836
Thuế, phí và lệ phí	45.184.000	45.184.000
Chi phí khác	4.648.243.857	3.593.917.579
	<hr/>	<hr/>
	10.151.344.858	11.034.326.847

**26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.196.147.743	3.413.711.803
Chi phí nhân công	14.314.670.910	19.873.098.390
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.090.840.357	34.499.715.939
Thuế tài nguyên	22.377.256.171	33.395.779.631
Phí dịch vụ môi trường rừng	8.872.520.148	13.969.525.104
Chi phí sửa chữa lớn	2.929.197.307	6.162.890.759
Chi phí khác	14.470.718.998	18.379.143.060
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	33.112.186.000	48.932.364.115

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	165.443.327.617	268.168.706.723
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	33.088.666.000	53.633.741.345
Chi phí không được khấu trừ thuế	23.520.000	-
Thu nhập không bị tính thuế	-	(4.701.377.230)
	33.112.186.000	48.932.364.115

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND</b>	<b>30/6/2018 VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện Lực Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.354.251.650	2.130.039.590
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên</b>		
Vay ngắn hạn	-	12.000.000.000
Hoàn trả khoản vay ngắn hạn	-	12.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	6.833.333
Cổ tức	54.512.250.000	54.512.250.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	52.505.631	-
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên</b>		
Bán hàng hóa dịch vụ	1.090.909	-
Cổ tức	-	13.720.000.000
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa</b>		
Cổ tức	-	9.786.886.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh</b>		
Cổ tức	44.765.610.000	44.765.610.000
<b>Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Bán điện	210.603.762.454	349.466.563.873
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Nam</b>		
Bán điện	20.093.744	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	835.822.573	758.130.251
Cung cấp dịch vụ	-	2.860.000
<b>Ban quản lý dự án thủy điện 6</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	2.310.610.311

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND</b>	<b>30/6/2018 VND</b>
<b>Trung tâm Công nghệ thông tin – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Mua hàng hóa dịch vụ	-	49.926.485
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	390.000.000	259.403.000
<b>Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	504.600.000	447.501.600
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	804.222.000	469.117.250

**29. Số liệu so sánh**


Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:

  
 Đâu Đình Trung  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
 Bùi Thị Kim Na  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Minh Tuấn  
 Tổng Giám đốc

